

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 670/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2018

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Trọng Thắng;

2. Ông Nguyễn Đình Rành.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm -Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22/05/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 89A Đường X, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn Th – Thuộc Công ty Luật TNHH MTV S; địa chỉ: Phòng 502 tầng 5, số 03 Đường N, Phường 5, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 89A Đường X, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn N qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 4, Thành phố M, tỉnh T cấp ngày

11/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách giáo dục con cái, ngoài ra ông N nghiện ma túy. Mặc dù bà L nhiều lần hỗ trợ, khuyên can để ông N cai nghiện nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng ngày càng tẻ nhạt, không có hạnh phúc.

Bà xác định tình cảm dành cho ông N không còn. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 05/2018 đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên bà yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có một con chung, họ và tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/1991 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nợ chung.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Tại biên bản tự khai các ngày 20/6/2018, 11/7/2018, 01/8/2018, biên bản phiên họp công khai chứng cứ ngày 01/8/2018, biên bản hòa giải ngày 05/9/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Thành phố M, tỉnh T.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vào năm 2017 con gái của ông bà đi làm, thường xuyên đi chơi đêm về trễ, vợ chồng bất đồng trong cách giáo dục con cái, bà L không biết dạy con về công dung ngôn hạnh, con cái phải đạo hiếu với cha mẹ, là phụ nữ phải biết làm việc nhà.

Từ khoảng tháng 05/2018 đến nay, ông có đề nghị bà L cho ông đi xuất gia nhưng bà L không đồng ý và nộp đơn yêu cầu ly hôn. Mặc dù ông đi xuất gia nhưng vẫn về nhà sống.

Với yêu cầu ly hôn của bà L, ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ và cho ông thời gian để tìm cách khắc phục mâu thuẫn.

- Về con chung: Có một con chung, họ và tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/1991 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Tại bản tự khai ngày 16/7/2018 và biên bản họp công khai chứng cứ ngày 01/8/2018, ông N trình bày trường hợp ông bà ly hôn thì đề nghị chia tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ số 89A Đường X, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2018, ông đề nghị cho ông thời gian 07 (bảy) ngày, hạn cuối là ngày 12/9/2018 để xác định có yêu cầu chia tài sản chung hay không. Ngày 27/9/2018 ông N làm đơn đề nghị Tòa án không giải quyết tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, bị đơn ông Nguyễn Văn N, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Lê Văn Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Lê Văn Th trình bày tại bài luận cứ ngày 03/10/2018 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu ly hôn của bà L vì mục đích hôn nhân của ông N, bà L không đạt được và cho rằng ông N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ làm chồng, làm cha, ông N không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, không tu chí làm ăn mà còn bị nghiện ma túy, đi xuất gia, không quan tâm đến vợ con. Quan trọng nhất là bà L đã không còn yêu thương ông N nên không thể chung sống với nhau.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến***

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng bà L, ông N, luật sư đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Bà L và ông N kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Thành phố M, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bất đồng quan điểm sống, ông N không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc

sống hôn nhân tẻ nhạt, không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2018 đến nay. Còn theo ông N thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc giáo dục con cái, không thể khắc phục được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy bà L yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung, họ và tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/1991 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nợ chung.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Về án phí hôn nhân gia đình: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/8/2018, ông Nguyễn Văn N có nộp đơn yêu cầu luật sư Nguyễn Khoa N làm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông. Ngày 28/9/2018 ông Nguyễn Văn N có đơn đề nghị không triệu tập luật sư Nguyễn Khoa N và thông báo về việc chấm dứt mối luật sư Nguyễn Khoa N bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Ngày 01/10/2018, Luật sư Nguyễn Khoa N cũng có đơn từ chối bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông N và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, bị đơn ông Nguyễn Văn N, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Lê Văn Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng bà L, ông N và luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét nội dung vụ án thì đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.3 Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N cư trú tại địa chỉ 89A Đường X, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 4, Thành phố M, tỉnh T cấp ngày 11/10/2005, xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và luật sư của nguyên đơn trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bà không còn tình cảm với ông N, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông N không quan tâm đến vợ con, bị nghiện ma túy và xuất gia từ tháng 5/2018 đến nay mặc dù bà không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 nên yêu cầu ly hôn với ông N. Theo ông N trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong cách giáo dục con cái. Tuy nhiên ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên với yêu cầu ly hôn của bà L ông không đồng ý.

Căn cứ kết quả xác minh tại Hội phụ nữ phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời quá trình chung sống tại địa phương bà L, ông N có mâu thuẫn gia đình, tuy nhiên không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, căn cứ vào các Bản tự khai, Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà L và ông N đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng của cả hai có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Đồng thời, căn cứ kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường T cũng cho thấy quá trình chung sống bà L và ông N có mâu thuẫn gia đình. Ông N không đồng ý ly hôn nhưng không trình bày được phương án hòa giải cũng như biện pháp để vợ chồng hàn gắn.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và tài liệu do Tòa án thu thập được cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 191 đăng ký ngày 23/8/1991 tại Ủy ban nhân dân phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của các đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Bà L và ông N có 01 (một) con chung họ tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/1991 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

3. Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Văn N.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung họ tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/1991 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025490 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương